

PHƯƠNG ÁN

ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP NĂM 2014

*(Theo Quyết định số: 01 /QĐ-TCTK ngày 16 tháng 02 năm 2014
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)*

1. Mục đích điều tra

- Thu thập các thông tin cơ bản phục vụ công tác quản lý, hoạch định chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, phát triển doanh nghiệp của quốc gia, từng địa phương, các nhà đầu tư và các doanh nghiệp;

- Tổng hợp các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, các chỉ tiêu thống kê chính thức năm 2013;

- Đánh giá xu hướng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

- Cập nhật cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp, hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã làm đàn mẫu cho các cuộc điều tra thống kê chọn mẫu hàng năm; điều tra thường xuyên và các yêu cầu thống kê khác.

2. Đối tượng, đơn vị điều tra và phạm vi điều tra

2.1. *Đối tượng và đơn vị điều tra:* Bao gồm các doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập được thành lập và chịu sự điều tiết bởi Luật Doanh nghiệp (năm 2005); Hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/quỹ tín dụng nhân dân (gọi chung là hợp tác xã) hoạt động theo Luật Hợp tác xã và các doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập được thành lập, chịu sự điều tiết bởi các Luật chuyên ngành như Luật Bảo hiểm, Luật Chứng khoán... đã đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh trước thời điểm 01/01/2014 và hiện đang tồn tại¹. Cụ thể:

(1) *Khu vực doanh nghiệp nhà nước bao gồm:*

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nhà nước;

- Công ty cổ phần; công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn nhà nước chiếm giữ trên 50% vốn điều lệ.

(2) *Khu vực tập thể*

- Hợp tác xã;

- Liên hiệp hợp tác xã;

- Quỹ tín dụng nhân dân.

¹ Bao gồm: doanh nghiệp đang hoạt động hoặc đã đăng ký, đang đầu tư chưa đi vào hoạt động SXKD, những doanh nghiệp, HTX hoạt động theo thời vụ không sản xuất đủ 12 tháng trong năm 2013, những doanh nghiệp tạm ngừng sản xuất để đầu tư đổi mới, sửa chữa, xây dựng, mở rộng sản xuất, những doanh nghiệp ngừng hoạt động để chờ giải thể nhưng có bộ máy quản lý có thể trả lời các câu hỏi trong phiếu điều tra.

(3) Khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước bao gồm:

- Doanh nghiệp tư nhân;
- Công ty hợp danh;
- Công ty TNHH tư nhân (kể cả công ty TNHH có vốn nhà nước dưới hoặc bằng 50%);
- Công ty cổ phần không có vốn nhà nước;
- Công ty cổ phần có vốn nhà nước dưới hoặc bằng 50%.

(4) Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài bao gồm:

- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài;
- Doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài.

Đối với tập đoàn, tổng công ty nói chung (bao gồm cả tập đoàn, tổng công ty nhà nước, ngoài nhà nước và FDI): Đơn vị điều tra là (1) văn phòng tập đoàn, tổng công ty (báo cáo phần hoạt động của văn phòng tập đoàn, tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc vào văn phòng tập đoàn, tổng công ty) và (2) các đơn vị trực thuộc hạch toán kinh tế độc lập.

Đối với tập đoàn kinh tế tổ chức theo mô hình công ty mẹ, công ty con: đơn vị điều tra là công ty mẹ và các công ty thành viên là công ty con hạch toán kinh tế độc lập.

Đối với doanh nghiệp cho thuê toàn bộ dây chuyền sản xuất theo hình thức cho thuê tài chính, bên đi thuê báo cáo toàn bộ lao động, nguồn vốn và giá trị tài sản, kết quả SXKD, nộp ngân sách của dây chuyền sản xuất đi thuê; đồng thời, doanh nghiệp cho thuê vẫn là một đơn vị báo cáo theo ngành hoạt động là "cho thuê tài chính"

(Lưu ý: Chỉ tiêu nguồn vốn và tài sản không bao gồm giá trị của dây chuyền sản xuất đã cho thuê, doanh thu kinh doanh là số tiền thu được do cho thuê dây chuyền sản xuất).

2.2. Phạm vi điều tra: Bao gồm các doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng điều tra có địa điểm đóng trên phạm vi toàn quốc, hoạt động trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân (trừ ngành O- Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị-xã hội, quản lý nhà nước, an ninh quốc phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc; và ngành T- Hoạt động làm thuê các công việc trong các gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình do đối tượng điều tra không phát sinh trong các ngành này).

3. Nội dung điều tra

3.1. Thông tin nhận dạng đơn vị điều tra

- Tên doanh nghiệp;
- Địa chỉ, điện thoại, Fax, Email;
- Loại hình doanh nghiệp;
- Ngành hoạt động SXKD.

3.2 Thông tin về lao động và thu nhập của người lao động

- Lao động;
- Thu nhập của người lao động.

3.3. Các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh

- Tài sản và nguồn vốn;
- Kết quả sản xuất kinh doanh;
- Thuế và các khoản nộp ngân sách;
- Vốn đầu tư;
- Xu hướng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Phiếu điều tra và các bảng danh mục sử dụng trong điều tra

4.1. Phiếu điều tra: Có 15 loại phiếu điều tra, cụ thể gồm:

(1) **Phiếu số 1A/ĐTDN-DN:** Phiếu thu thập thông tin doanh nghiệp, HTX năm 2013 - Áp dụng chung cho các DN nhà nước, DN ngoài nhà nước, DN có vốn đầu tư nước ngoài, hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã được chọn vào mẫu điều tra;

(2) **Phiếu số 1A.1/ĐTDN-HTX:** Kết quả hoạt động của hợp tác xã năm 2013 - Áp dụng cho các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân;

(3) **Phiếu số 1A.2/ĐTDN-CN:** Kết quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm công nghiệp năm 2013 - Áp dụng cho toàn bộ các doanh nghiệp có hoạt động công nghiệp;

(4) **Phiếu số 1A.3/ĐTDN-XD:** Kết quả hoạt động xây dựng năm 2013 - Áp dụng cho các doanh nghiệp có hoạt động xây dựng;

(5) **Phiếu số 1A.4/ĐTDN-TN:** Kết quả hoạt động thương nghiệp năm 2013 - Áp dụng cho các doanh nghiệp có hoạt động: bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;

(6) **Phiếu số 1A.5/ĐTDN-VTKB:** Kết quả hoạt động vận tải, kho bãi, bưu chính, chuyển phát năm 2013 - Áp dụng cho các doanh nghiệp có hoạt động vận tải, kho bãi, bưu chính, chuyển phát;

(7) **Phiếu số 1A.6/ĐTDN-LT:** Kết quả hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch năm 2013 - Áp dụng cho các doanh nghiệp có hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch;

(8) **Phiếu số 1A.7/ĐTDN-TC:** Kết quả hoạt động trung gian tài chính và hoạt động hỗ trợ cho hoạt động tài chính năm 2013 - Áp dụng cho các tổ chức tín dụng: ngân hàng, công ty tài chính, quỹ tín dụng nhân dân,...;

(9) **Phiếu số 1A.8/ĐTDN-BH:** Kết quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm và môi giới bảo hiểm năm 2013 - Áp dụng cho các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh bảo hiểm và môi giới bảo hiểm;

(10) **Phiếu số 1A.9/ĐTDN-DVK: Kết quả hoạt động dịch vụ khác năm 2013 - Áp dụng cho các doanh nghiệp có hoạt động thông tin và truyền thông; kinh doanh bất động sản, hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ; hành chính và dịch vụ hỗ trợ, dịch vụ y tế, giáo dục, thể thao và vui chơi giải trí,...**

(11) **Phiếu số 1A.10/ĐTDN-RT: Kết quả hoạt động thu gom và xử lý rác thải năm 2013 - Áp dụng cho toàn bộ các doanh nghiệp chuyên thu gom và xử lý rác thải;**

(12) **Phiếu số 1A.11/ĐTDN-XHKD: Phiếu thu thập thông tin về xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp năm 2014 - Áp dụng cho các doanh nghiệp được chọn mẫu điều tra về xu hướng kinh doanh;**

(13) **Phiếu số 1Am/ĐTDN-KH: Phiếu thu thập thông tin về sử dụng công nghệ trong sản xuất - Áp dụng cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo được chọn mẫu điều tra;**

(14) **Phiếu số 1B/ĐTDN-DS: Phiếu thu thập thông tin đối với doanh nghiệp lập danh sách năm 2013 - Áp dụng cho các doanh nghiệp ngoài nhà nước, hợp tác xã thuộc đối tượng lập danh sách;**

(15) **Phiếu số 1C/ĐTDN-ĐT: Phiếu thu thập thông tin đối với doanh nghiệp đang đầu tư, chưa sản xuất kinh doanh - Áp dụng cho các doanh nghiệp đang đầu tư, chưa hoạt động sản xuất kinh doanh.**

4.2. Các bảng danh mục sử dụng trong điều tra

Cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2014 sử dụng các bảng danh mục sau:

(1) **Bảng phân ngành kinh tế:** Áp dụng Bảng Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2007 ban hành theo Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ (VSIC 2007) và Quyết định số 337/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

(2) **Danh mục các đơn vị hành chính:** Áp dụng Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm 31/12/2013;

(3) **Danh mục các nước và vùng lãnh thổ:** Áp dụng Bảng danh mục các nước được ban hành trong tài liệu: "Các loại danh mục áp dụng cho điều tra toàn bộ doanh nghiệp năm 2006";

(4) **Danh mục sản phẩm công nghiệp:** Phát triển trên cơ sở Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 39/2010/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 19/2010/TT-BKH của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

(5) **Danh mục các công trình, hạng mục công trình hoàn thành**

5. Thời điểm điều tra và thời kỳ thu thập thông tin

5.1. Thời điểm điều tra: Bắt đầu từ 01/3/2014

5.2. Thời điểm và thời kỳ thu thập thông tin

a. Các thông tin về lao động, giá trị tài sản, nguồn vốn, sản phẩm dở dang, thành phẩm tồn kho, hao mòn/khấu hao tài sản cố định thu thập thông tin tại hai thời điểm 01/01/2013 và 31/12/2013.

b. Các thông tin thu thập theo thời kỳ (kết quả sản xuất kinh doanh, sản phẩm, chi phí, thuế, giá trị xuất, nhập khẩu,...): là số liệu chính thức của cả năm 2013.

6. Loại điều tra

Cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2014 được thực hiện theo phương pháp điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu.

6.1. Lập danh sách các đơn vị điều tra

Danh sách các đơn vị điều tra được lập trước khi tiến hành điều tra dựa vào kết quả từ cuộc Điều tra doanh nghiệp năm 2013, nguồn thông tin của cơ quan thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh các cấp... Cụ thể danh sách điều tra doanh nghiệp năm 2014 được lập trên cơ sở rà soát các danh sách sau:

- Danh sách doanh nghiệp đã thu được phiếu trong cuộc Điều tra doanh nghiệp năm 2013 (có tại Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương - gọi tắt là tỉnh, TP);

- Danh sách doanh nghiệp thực tế còn tồn tại đến thời điểm 31/12/2012 nhưng trong cuộc Điều tra doanh nghiệp năm 2013 không thu được phiếu (có tại Cục Thống kê tỉnh, TP);

- Danh sách doanh nghiệp mới thành lập năm 2013, đã hoặc chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (do Cục Đăng ký quản lý kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Tổng cục Thống kê tổng hợp gửi các Cục Thống kê tỉnh, TP);

- Danh sách các doanh nghiệp chưa thống nhất giữa Cục Đăng ký quản lý kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tổng cục Thuế tính đến thời điểm 31/12/2013 (do Cục Đăng ký quản lý kinh doanh cấp);

- Danh sách doanh nghiệp thuộc đối tượng và phạm vi điều tra có được từ các nguồn thông tin khác.

6.2. Chọn các đơn vị điều tra

6.2.1 Điều tra toàn bộ phiếu 1A/ĐTDN-DN đối với đơn vị điều tra là:

- Doanh nghiệp nhà nước 100% vốn nhà nước hoặc DN nhà nước đã được cổ phần hóa có vốn nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ;

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài;

- Doanh nghiệp ngoài nhà nước có từ 20 lao động trở lên (Hải Phòng, Đà Nẵng, Đồng Nai và Bình Dương có từ 50 lao động trở lên; Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh có từ 100 lao động trở lên);

- Đối với 16 tỉnh có quy mô số lượng doanh nghiệp nhỏ gồm: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái, Lạng Sơn, Ninh Thuận, Kon Tum, Đắk Nông, Trà Vinh, Hậu Giang và Bạc Liêu: điều tra 100% số doanh nghiệp theo phiếu số 1A/ĐTDN-DN;

- Các doanh nghiệp có hoạt động SXKD chính trong các ngành: lưu trú và ăn uống; thông tin và truyền thông; vận tải (hàng không, đường biển và đường sắt); môi giới chứng khoán; thu gom và xử lý rác thải.

6.2.2 Điều tra chọn mẫu phiếu 1A/ĐTDN-DN đối với đơn vị điều tra là doanh nghiệp ngoài nhà nước dưới 20 lao động (Hải Phòng, Đà Nẵng, Đồng Nai và Bình Dương là dưới 50 lao động; Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh được chọn mẫu theo 2 phân tầng dưới 50 lao động và từ 50 đến 99 lao động).

a. Lập dàn chọn mẫu:

Dàn chọn mẫu được lập dựa trên danh sách các doanh nghiệp ngoài nhà nước có dưới 20 lao động (hoặc dưới 50/100 lao động đối với một số tỉnh có nhiều DN theo quy định) từ cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2013 của từng tỉnh, TP và danh sách doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong năm 2013. Dàn mẫu doanh nghiệp/HTX từng tỉnh, TP được phân tổ theo các ngành kinh tế cấp 4 (dàn mẫu doanh nghiệp và hợp tác xã được lập và chọn mẫu độc lập); trong mỗi ngành kinh tế thuộc dàn mẫu, các doanh nghiệp/HTX được sắp xếp theo thứ tự giảm dần của chỉ tiêu lao động thời điểm 31/12/2012.

b. Chọn mẫu điều tra:

Số lượng DN ngoài nhà nước được chọn để điều tra theo phiếu số 1A/ĐTDN-DN là 20% của tổng số DN có dưới 20 lao động trong danh sách (Hải Phòng, Đà Nẵng, Đồng Nai và Bình Dương là dưới 50 lao động) các DN có phiếu ở cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2013.

Riêng các doanh nghiệp mẫu tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh được chọn như sau:

- Các doanh nghiệp ngoài nhà nước dưới 50 lao động: Chọn mẫu điều tra 10%

- Các doanh nghiệp ngoài nhà nước có từ 50 đến 99 lao động: Chọn mẫu điều tra 20%

Mẫu chọn theo nguyên tắc đại diện cho từng ngành kinh tế cấp 4, hoặc nhóm ngành cấp 4 (VSIC 2007) trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo phương pháp ngẫu nhiên rải đều.

Danh sách mẫu các doanh nghiệp điều tra theo phiếu 1A/ĐTDN-DN do Tổng cục Thống kê chọn và gửi các Cục Thống kê tỉnh, TP trực thuộc Trung ương để điều tra.

Các doanh nghiệp ngoài nhà nước không thuộc đối tượng điều tra phiếu số 1A/ĐTDN-DN sẽ thu thập thông tin theo phiếu số 1B/ĐTDN-DS.

c. Suy rộng kết quả điều tra (xem Phụ lục 1 kèm theo)

6.2.3. Chọn mẫu doanh nghiệp điều tra theo phiếu 1A.11/ĐTDN-XH - Phiếu thu thập thông tin về xu hướng sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Mẫu điều tra được chọn theo phương pháp ngẫu nhiên rải đều theo quy mô lao động, đại diện cho toàn quốc, cho ngành kinh tế cấp I và cho loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài).

Dàn chọn mẫu là danh sách các doanh nghiệp thực tế đang hoạt động tại thời điểm 31/12/2013.

Tổng số mẫu được chọn là 8.100 doanh nghiệp, chia ra:

- Doanh nghiệp nhà nước: 250 doanh nghiệp (chiếm khoảng 6,7%);
- Doanh nghiệp ngoài nhà nước: 7.200 doanh nghiệp (chiếm khoảng 2,1%);
- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 650 doanh nghiệp (chiếm khoảng 6%).

Lưu ý: Đối với các doanh nghiệp được chọn mẫu điều tra nhưng tại thời điểm điều tra đã hoặc đang tạm ngừng sản xuất, phá sản, giải thể vẫn thuộc đối tượng điều tra.

Danh sách mẫu các doanh nghiệp điều tra theo phiếu 1A.11/ĐTDN-XH do Tổng cục Thống kê chọn và gửi các Cục Thống kê tỉnh, TP trực thuộc Trung ương để điều tra.

6.2.4. Chọn mẫu điều tra phiếu số 1Am/ĐTDN-KH - Phiếu thu thập thông tin về sử dụng công nghệ trong sản xuất

Việc chọn mẫu các doanh nghiệp thực hiện phiếu 1Am/ĐTDN-KH do Tổng cục Thống kê chọn và gửi các Cục Thống kê tỉnh, TP để điều tra. Mẫu doanh nghiệp thực hiện phiếu 1Am/ĐTDN-KH bao gồm các doanh nghiệp đã điều tra, thu được phiếu năm 2013 và các doanh nghiệp mới được chọn bổ sung, thay thế các doanh nghiệp mẫu không thu được phiếu trong năm 2013.

6.2.5. Chọn mẫu thay thế trong trường hợp mất mẫu

Trong quá trình điều tra có thể đơn vị được chọn vào mẫu điều tra ngừng hoạt động, chuyển địa điểm khác, chuyển đổi ngành hoạt động hoặc đóng tại địa điểm khó tiếp cận để thu thập số liệu, Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp tỉnh, TP báo cáo Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp Trung ương (qua Vụ Thống kê Công nghiệp, Tổng cục Thống kê) sau khi được phép thì tổ chức chọn mẫu thay thế theo nguyên tắc: chọn doanh nghiệp cùng loại hình doanh nghiệp, cùng ngành kinh tế cấp 4 và quy mô doanh thu hoặc lao động bằng hoặc gần bằng nhất với doanh nghiệp được thay thế.

6.2.6 Tổng hợp kết quả: Kết quả điều tra được tổng hợp theo hệ thống biểu mẫu ra chung cho toàn bộ doanh nghiệp và các chuyên ngành, bao gồm các chỉ tiêu tổng hợp thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã của khu vực doanh nghiệp, HTX. Hệ thống biểu tổng hợp được cài đặt trong phần mềm nhập tin và tổng hợp kết quả do Tổng cục Thống kê biên soạn.

7. Phương pháp thu thập số liệu

Do tính chất phức tạp của nội dung điều tra và trình độ kế toán, thống kê cũng như ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị điều tra khác nhau, nên áp dụng 3 phương pháp thu thập số liệu:

(1) Thu thập trực tiếp: Điều tra viên trực tiếp phỏng vấn đơn vị điều tra, để ghi vào phiếu điều tra. Phương pháp này được áp dụng đối với những đơn vị điều tra chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, không có khả năng tự ghi được phiếu điều tra (*doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp chuẩn bị giải thể, doanh nghiệp đang bị thanh tra...*).

(2) Thu thập gián tiếp: Tổ chức hội nghị tập huấn cho kế toán trưởng, cán bộ kế toán hoặc thống kê của các doanh nghiệp, hoặc điều tra viên trực tiếp hướng dẫn phương pháp ghi phiếu điều tra và những quy định cụ thể về nơi gửi, hình thức, thời gian gửi, để các doanh nghiệp tự ghi phiếu gửi cho cơ quan điều tra.

(3) Thu thập số liệu qua bảng hỏi điện tử: Áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp có điều kiện về công nghệ thông tin như: máy tính, kết nối internet... Doanh nghiệp lấy phiếu điều tra điện tử từ trang WEB của Tổng cục Thống kê, ghi thông tin trực tiếp vào phiếu và gửi qua đường thư điện tử tới Cục Thống kê.

8. Kế hoạch tiến hành

Bước 1. Chuẩn bị điều tra: Thời gian thực hiện từ ngày 01/12/2013 đến ngày 25/02/2014, gồm các công việc:

- a. Ra quyết định điều tra;
- b. Xây dựng phương án điều tra;
- c. Lập và rà soát danh sách các đơn vị điều tra;
- d. Chọn mẫu điều tra;
- e. In phương án và phiếu điều tra;

f. Xây dựng hệ thống biểu tổng hợp mẫu ra và chương trình phần mềm nhập tin, chương trình kiểm tra và tổng hợp kết quả điều tra cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và toàn quốc.

Bước 2. Triển khai điều tra: Thời gian thực hiện từ ngày 26/02/2014 đến ngày 15/6/2014, gồm các công việc:

a. Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tuyển chọn điều tra viên, giám sát viên theo tiêu chuẩn quy định, tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên và hướng

dẫn các doanh nghiệp về nội dung và phương pháp ghi phiếu điều tra trên cơ sở phương án điều tra của Tổng cục Thống kê quy định.

b. Triển khai thu thập thông tin tại các đơn vị điều tra

- Đối với doanh nghiệp được chọn thực hiện phiếu số 1A.11/ĐTDN-XH và các phiếu liên quan phải hoàn thành trước ngày 15/4/2014

- Đối với các doanh nghiệp thực hiện điều tra các phiếu còn lại phải hoàn thành trước ngày 15/6/2014

c. Chính lý, đánh mã phiếu điều tra tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trước ngày 15/6/2014 .

Bước 3. Nhập tin, xử lý và nghiệm thu số liệu: Thời gian thực hiện từ 16/6/2014 đến 15/8/2014, gồm các công việc:

a. Nhập tin số liệu về doanh nghiệp sẽ được thực hiện tại các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trên cùng một chương trình phần mềm thống nhất cho toàn quốc do Tổng cục Thống kê biên soạn. Chương trình nhập tin, kiểm tra, nghiệm thu và tổng hợp số liệu sẽ được gửi tới các tỉnh, thành phố qua mạng GSO.

- Đối với doanh nghiệp thực hiện phiếu số 1A.11/ĐTDN-XH và các phiếu liên quan trước ngày 30/4/2014

- Đối với các doanh nghiệp thực hiện phiếu còn lại trước ngày 15/7/2014

b. Xử lý, kiểm tra số liệu và báo cáo giải trình, cảnh báo lỗi logic về Tổng cục Thống kê trước ngày 15/7/2014.

c. Nghiệm thu số liệu: Sau khi nhận được số liệu đã nhập tin của các Cục Thống kê tỉnh, thành phố truyền về Tổng cục Thống kê, Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp cấp Trung ương có trách nhiệm tổ chức nghiệm thu kết quả của các tỉnh, thành phố qua mạng hoặc trực tiếp tại Cục Thống kê trước ngày 15/8/2014

Bước 4. Tổng hợp, phân tích và phổ biến kết quả điều tra:

- Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương từ ngày 16/7/2014 đến ngày 30/8/2014.

- Cấp Trung ương:

+ Kiểm tra, tổng hợp và phổ biến kết quả điều tra của các tỉnh, thành phố từ ngày 16/7/2014 đến ngày 15/9/2014

+ Phổ biến kết quả điều tra xu hướng kinh doanh trước 20/5/2014

+ Phổ biến kết quả tổng hợp nhanh điều tra doanh nghiệp tháng 10/2014

+ Phổ biến kết quả đầy đủ điều tra doanh nghiệp tháng 12/2014.

9. Tổ chức chỉ đạo thực hiện

Để đảm bảo tiến độ điều tra phục vụ cho việc tổng hợp các chỉ tiêu thống kê chính thức năm 2013 và nâng cao chất lượng thông tin của cuộc điều tra doanh nghiệp năm 2014, Tổng cục Thống kê yêu cầu Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, TP tăng cường chỉ đạo, giám sát và báo cáo tiến độ điều tra về Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp Trung ương theo quy định tại phụ lục 2.

Tổng cục sẽ thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát do lãnh đạo Vụ Kế hoạch tài chính, Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê và thành viên Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp Trung ương thực hiện việc kiểm tra, giám sát tại một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được chọn để kiểm tra, giám sát sẽ được Tổng cục Thống kê thông báo sau.

10. Kinh phí điều tra

Tổng cục Thống kê cấp kinh phí bảo đảm yêu cầu khối lượng công việc của phương án điều tra. Kinh phí điều tra được phân bổ hai lần theo kế hoạch phân bổ kinh phí điều tra năm 2014 của Tổng cục Thống kê. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí điều tra được thực hiện theo Thông tư số 58/2011/TT-BTC ngày 30/6/2011 của Bộ Tài chính và hướng dẫn thực hiện quyết toán kinh phí điều tra năm 2014 của Tổng cục Thống kê.

Riêng kinh phí điều tra thu thập thông tin phiếu số 1Am/ĐTDN-KH "Phiếu thu thập thông tin về sử dụng công nghệ trong sản xuất" do cơ quan hợp tác quốc tế Đan Mạch tài trợ.

Tổ trưởng Tổ Thường trực chỉ đạo điều tra doanh nghiệp Trung ương, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục Thống kê có trách nhiệm quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được cấp để thực hiện tốt cuộc điều tra theo phương án quy định.

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Bích Lâm

Phục lục 1:

SUY RỘNG KẾT QUẢ ĐIỀU TRA PHIẾU SỐ 1A/ĐTDN-DN

Số liệu của các doanh nghiệp không điều tra sẽ được suy rộng cho từng doanh nghiệp của từng tỉnh, TP trên cơ sở kết quả điều tra của các doanh nghiệp ngoài nhà nước được chọn mẫu điều tra theo phiếu số 1A/ĐTDN-DN theo từng ngành hoặc nhóm ngành kinh tế cấp 4 được chọn mẫu trên địa bàn tỉnh, TP. Trên cơ sở số liệu suy rộng cho các doanh nghiệp, số liệu tổng hợp cho cấp tỉnh, TP và toàn quốc theo các cấp ngành, theo loại hình doanh nghiệp, theo địa phương... được tổng hợp theo chương trình phần mềm suy rộng có sẵn trong chương trình nhập tin và tổng hợp kết quả điều tra. Cụ thể phương pháp suy rộng như sau:

Suy rộng cho các chỉ tiêu tổng số (gồm những chỉ tiêu có chia chi tiết) hoặc chỉ tiêu đơn (không chia chi tiết) theo công thức:

$$q_n(SR-T) = \frac{Q_n(M)}{N_{(M)}} \quad (1)$$

Trong đó:

$q_n(SR-T)$: Giá trị chỉ tiêu n được suy rộng cho một DN không điều tra

$Q_n(M)$: Tổng giá trị chỉ tiêu n tổng hợp từ mẫu điều tra

$N_{(M)}$: Tổng số doanh nghiệp của mẫu điều tra

* Suy rộng cho các chỉ tiêu chi tiết theo công thức:

$$q_n(SR-CT) = i_q \times q_n(SR-T) \quad (2)$$

$$i_q = \frac{q_n(M)}{Q_n(M)} \quad (3)$$

Trong đó:

$q_n(SR-CT)$: Giá trị chi tiết suy rộng của chỉ tiêu n của một DN không điều tra

i_q : Tỷ trọng giữa giá trị chi tiết so với tổng giá trị của chỉ tiêu tính được từ các DN điều tra mẫu

$q_n(SR-T)$: Giá trị chỉ tiêu n (chỉ tiêu tổng số) được suy rộng cho DN không điều tra (tính được từ công thức (1))

$q_n(M)$: Giá trị chi tiết của chỉ tiêu n tổng hợp từ mẫu điều tra

$Q_n(M)$: Tổng giá trị chỉ tiêu n tổng hợp từ các DN điều tra mẫu

Ví dụ 1: Suy rộng chỉ tiêu tổng nguồn vốn cuối năm cho doanh nghiệp A thuộc loại hình doanh nghiệp ngoài nhà nước không điều tra của một ngành công nghiệp C1061 "Xay xát và sản xuất bột thô" của tỉnh A với các thông tin:

- DN A có tổng doanh thu thuần năm điều tra là 5 tỷ (theo phiếu 1B/ĐTDN-DS)
- Ngành C1061 có 3 doanh nghiệp ngoài nhà nước điều tra mẫu (phiếu 1A/ĐTDN-

DN) với các thông tin sau:

Tổng doanh thu thuần năm điều tra là : $3,5 \text{ tỷ} + 6 \text{ tỷ} + 2,5 \text{ tỷ} = 12 \text{ tỷ}$

Tổng nguồn vốn cuối năm điều tra là : $2,5 \text{ tỷ} + 4 \text{ tỷ} + 1,5 \text{ tỷ} = 8 \text{ tỷ}$

Tổng nguồn vốn chủ sở hữu cuối năm điều tra là $2 \text{ tỷ} + 2,5 \text{ tỷ} + 0,5 \text{ tỷ} = 5 \text{ tỷ}$

Bước 1: tính hệ số doanh thu và nguồn vốn của các doanh nghiệp điều tra mẫu ngành C1061 theo công thức:

$$K = \text{Tổng doanh thu/tổng nguồn vốn} = 12 \text{ tỷ}/8 \text{ tỷ} = 1,5$$

Bước 2: suy rộng chỉ tiêu tổng nguồn vốn cuối năm điều tra của doanh nghiệp A theo công thức:

$$V = K \times \text{Tổng doanh thu của DN A} = 1,5 \times 5 = 7,5 \text{ tỷ}$$

Ví dụ 2: Cũng với thông tin ví dụ 1, suy rộng chỉ tiêu nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp A như sau:

Bước 1: Tính tỷ lệ vốn chủ sở hữu so với tổng nguồn vốn cuối năm điều tra của doanh nghiệp điều tra mẫu ngành C1061 theo công thức:

$$I = \text{Tổng vốn chủ sở hữu/tổng nguồn vốn} = 5 \text{ tỷ}/8 \text{ tỷ} = 0,625$$

Bước 2: Suy rộng chỉ tiêu nguồn vốn chủ sở hữu của DN A theo công thức

$$V(\text{csh}) = I \times \text{tổng nguồn vốn} = 0,625 \times 7,5 \text{ tỷ} = 4,6875 \text{ tỷ}$$

Phụ lục 2:
TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ

BÁO CÁO TIẾN ĐỘ ĐIỀU TRA DOANH NGHIỆP 2014

Đến ngày ... tháng ... năm 2014²

Tên phiếu	Số lượng đơn vị điều tra			Tỷ lệ thu phiếu (%)
	Theo danh sách	Thực tế thu được phiếu	Thực tế đã nhập tin	
A	1	2	3	$4=2/1*100$
1. Phiếu 1A/ĐTDN				
2. Phiếu 1A.11/ĐTDN-XH				
3. Phiếu 1Am/ĐTDN-KH				
4. Phiếu 1B/ĐTDN-DS				
5. Phiếu 1C/ĐTDN-ĐT				

² Thời gian báo cáo: vào các ngày 30 hàng tháng (bắt đầu từ kỳ báo cáo tháng 4/2014; riêng kỳ báo cáo tháng 4/2014 là ngày 29/4/2014). Báo cáo của các Cục Thống kê truyền về Tổ Thường trực điều tra doanh nghiệp cấp Trung ương theo địa chỉ: congnghep@gso.gov.vn.